

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 11 năm 2022

"V/v Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 126/TB-TA ngày 28 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Vi L - Sinh năm 1983

Nơi đăng ký thường trú: Khu 8, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị Bùi Thị Hồng N - Sinh năm 1983

Nơi đăng ký thường trú: Khu 8, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Hiện đang ở tại: Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình

Anh L và chị N đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Vi L trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

- Anh và chị Bùi Thị Hồng N tự nguyện kết hôn với nhau ngày 21/8/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y (nay là xã H), huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng trên đất của bố, mẹ anh cho tại xã Y. Quá trình vợ chồng chung sống có nhiều khác biệt về quan điểm tính cách, không hợp nhau nên đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận và không hạnh phúc. Cho đến tháng 8/2020, chị N đã đưa cả 02 con về quê chị N tại X, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình để ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm trách nhiệm gì đến nhau nữa. Anh L xác

định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn chị Bùi Thị Hồng N.

- Về con chung: Anh Nguyễn Vi L trình bày anh và chị Bùi Thị Hồng N có với nhau 02 con chung là Nguyễn Vi K; sinh ngày 26/02/2007 và Nguyễn Vi Sơn T; sinh ngày 31/01/2016. Cả 02 con chung đều đang ở với mẹ là chị Bùi Thị Hồng N tại Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Trong giai đoạn hòa giải, anh L yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Vi Sơn T, còn chị N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Vi K nhưng tại phiên tòa anh L đã đồng ý để cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị N.

- Về tài sản chung: Trong giai đoạn hòa giải, anh Nguyễn Vi L trình bày anh và chị Bùi Thị Hồng N có một số tài sản chung anh đang quản lý nhưng không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, anh L xác nhận anh và chị N có một số tài sản chung hiện anh đang quản lý tại khu 8, xã H gồm: 01 tivi, 01 bộ bàn ghế, 01 tủ lạnh và vợ chồng xây được tầng 2 của ngôi nhà hiện nay (tầng 1 và đất của bố mẹ để anh cho tại khu 8, xã H, GCNQSDĐ đứng tên anh là Nguyễn Vi L). Anh L không đề nghị Tòa án thẩm định, định giá và khi ly hôn anh sở hữu toàn bộ tài sản và đồng ý thanh toán cho chị N số tiền 100.000.000.đ.

- Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác anh Nguyễn Vi L trình bày anh và chị Bùi Thị Hồng N không có nên không yêu cầu.

* Bị đơn là chị Bùi Thị Hồng N trình bày: Chị N xác nhận về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn và thời gian vợ chồng chung sống đúng như anh Nguyễn Vi L đã trình bày ở trên. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng khác biệt về tính cách, quan điểm sống nên đã phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên tháng 8/2020, chị đã đưa cả 02 con về ở nhà bố mẹ đẻ chị tại Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn trách nhiệm gì đối với nhau nữa. Chị xác định vợ chồng sống không hòa thuận hạnh phúc và tình cảm không còn vì vậy chị cũng yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Vi L.

- Về con chung: Chị Bùi Thị Hồng N trình bày chị và anh Nguyễn Vi L có với nhau 02 con chung đúng như anh L đã trình bày ở trên. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay thì cả 02 con chung đều do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ở với chị tại Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Hiện nay 02 con đang có cuộc sống ổn định, được chăm sóc chu đáo đầy đủ, quyền lợi được đảm bảo vì vậy sau khi ly hôn chị sẽ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung và anh L cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Vi K mỗi tháng 2.000.000.đ/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, còn con chung là Nguyễn Vi Sơn T chị sẽ tự có trách nhiệm nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung chị Bùi Thị Hồng N trình bày xác nhận anh Nguyễn Vi L đã trình bày đúng, chị cũng không yêu cầu Tòa án thẩm định, định giá tài sản. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh L sở hữu toàn bộ tài sản và thanh toán cho chị số tiền 100.000.000.đ,

thời gian thanh toán là đến hết ngày 31/3/2023 anh Lợi sẽ phải thanh toán xong cho chị toàn bộ số tiền này và chị nhận chịu tiền án phí về tài sản.

- Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác chị Bùi Thị Hồng N xác nhận chị và anh Nguyễn Vi L không có nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Vi L và chị Bùi Thị Hồng N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống do bất đồng về quan điểm tính cách, vợ chồng không có sự thông cảm và cùng nhau chia sẻ những vướng mắc trong cuộc sống gia đình nên đã phát sinh mâu thuẫn, cả hai lại không có biện pháp tích cực để hàn gắn khắc phục bất đồng vì vậy cuộc sống chung không hòa thuận, mâu thuẫn không giải quyết được, hậu quả là vợ chồng phải sống ly thân nhau từ 02 năm nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Như vậy anh L và chị N đã không còn sống chung để thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân, tình cảm vợ chồng đến nay không còn khả năng hàn gắn. Tại phiên tòa, anh L, chị N vẫn tiếp tục yêu cầu ly hôn, xét yêu cầu ly hôn của anh L và chị N là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Anh Nguyễn Vi L và chị Bùi Thị Hồng N có với nhau 02 con chung như đã nêu ở trên và cả 02 con chung đều đang ở với chị N tại xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Trong giai đoạn hòa giải, anh L yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 01 con là Nguyễn Vi Sơn T, còn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Tuy nhiên, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, anh L và chị N đã thống nhất thỏa thuận chị N sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét các con chung đang ở với chị N, có cuộc sống và học tập ổn định, việc anh L, chị N thỏa thuận người nuôi con sau ly hôn là tự nguyện, đảm bảo được quyền lợi và cũng phù hợp với nguyện vọng của con nên công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L và chị N cũng thỏa thuận sau khi ly hôn, anh L sẽ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Vi K mỗi tháng 2.000.000.đ, bắt đầu từ tháng 12/2022 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, còn chị N sẽ tự chịu trách nhiệm đối với con chung là cháu Nguyễn Vi Sơn T. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, đảm bảo được lợi ích của con nên được công nhận.

[4]. Về tài sản chung: Trong giai đoạn hòa giải, anh Nguyễn Vi L và chị Bùi Thị Hồng N đều trình bày có một số tài sản chung nhưng chưa yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, anh L và chị N đã thống nhất về tài sản

chung, không yêu cầu thẩm định, định giá và thỏa thuận như sau: Anh L sẽ sở hữu toàn bộ tài sản hiện nay anh đang quản lý sử dụng tại khu 8, xã H, huyện T gồm: 01 tivi; 01 bộ bàn ghế; 01 tủ lạnh; 01 nhà 02 tầng trên đất đã được UBND huyện Thanh Ba cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 060285 ngày 02/8/2012 đứng tên Nguyễn Vi L (nguồn gốc đất là của bố mẹ đẻ anh L cho và là tài sản riêng của anh L); anh L có nghĩa vụ thanh toán cho chị N tổng số tiền 100.000.000.đ và chậm nhất là đến hết ngày 31/3/2023, anh L sẽ phải thanh toán xong cho chị N toàn bộ số tiền này.

Xét việc thỏa thuận về sở hữu tài sản chung và thanh toán tiền tài sản của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của các bên và không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[5]. Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác anh Lợi và chị Nhung xác nhận không có nên không giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Vi L nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Chị Bùi Thị Hồng N tự nguyện nhận nộp toàn bộ tiền án phí về tài sản theo quy định của pháp luật.

[7]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn của đương sự; công nhận sự thỏa thuận của đương sự về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và thỏa thuận về chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 59, khoản 1 Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 26, điểm a, b khoản 5 và điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Vi L và chị Bùi Thị Hồng N.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Vi L và chị Bùi Thị Hồng N về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn như sau: Chị Bùi Thị Hồng N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Vi K; sinh ngày 26/02/2007 và Nguyễn Vi Sơn T; sinh ngày 31/01/2016 (cả 02 con đều đang ở với chị N tại Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình).

Anh Nguyễn Vi L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Nguyễn Vi K mỗi tháng 2.000.000.đ (hai triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2022 cho đến khi cháu Nguyễn Vi K đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Vi L và chị Bùi Thị Hồng N về sở hữu tài sản chung và thanh toán tiền tài sản như sau:

Anh L được quyền sở hữu toàn bộ tài sản hiện nay anh đang quản lý sử dụng ở tại khu 8, xã H, huyện Thanh Ba gồm: 01 tivi; 01 bộ bàn ghế; 01 tủ lạnh; 01 nhà 02 tầng trên đất đã được UBND huyện Thanh Ba cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 060285 ngày 02/8/2012 đứng tên Nguyễn Vi L (nguồn gốc đất là của bố mẹ đẻ anh L cho và là tài sản riêng của anh L);

Anh Nguyễn Vi L có nghĩa vụ thanh toán cho chị Bùi Thị Hồng N tổng số tiền 100.000.000.đ (một trăm triệu đồng) và thời hạn thanh toán chậm nhất là đến hết ngày 31/3/2023 anh L phải thanh toán xong cho chị N toàn bộ số tiền này.

- Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác anh Nguyễn Vi L và chị Bùi Thị Hồng N không có nên không giải quyết.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ngời phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án, thì kể từ ngày ngời được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ngời phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Anh Nguyễn Vi L nộp 150.000.đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000.đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng; tổng số tiền án phí anh L phải nộp là 450.000.đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận anh Nguyễn Vi L đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0003374 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Chị Bùi Thị Hồng N nộp 5.000.000.đ (năm triệu đồng) tiền án phí chia tài sản.

*Trờng hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì ngời được thi hành án dân sự, ngời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, **7a**, **7b** và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã H;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tạ Hồng Tuấn